

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/HS-ST

Ngày 01-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hòa.

2. Ông Võ Quang Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSST ngày 30/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 06/2018/QĐXXST – HS ngày 10/01/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **HÀ VĂN H**, sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Buôn BM, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kiểm sát viên sơ cấp, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk đã bị tạm đình chỉ công tác theo Quyết định tạm đình chỉ công tác số 678/QĐ-VKS-P15 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; chức vụ Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, phó bí thư chi bộ Viện kiểm sát nhân dân huyện E K, đã bị đình chỉ sinh H3 Đảng theo Quyết định số 40/QĐ/UBKTHU ngày 16/8/2017; dân tộc: Kinh; con ông Hà Văn Q (đã chết) và bà Đỗ Thị H1; có vợ là Vũ Thị Vân A và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Ngọc H2 – Sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Xã CE, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Vũ Thị Vân A – Sinh năm 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Buôn BM, thị trấn EK, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Như H3. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã E1, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Văn H là Kiểm sát viên sơ cấp, đồng thời là Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Ngọc H2, sinh năm 1980, địa chỉ: Xã CE, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk thực hiện. Ngày 05/01/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk ban hành cáo trạng số 04/KSĐT-HS truy tố Nguyễn Ngọc H2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Chiều ngày 06/01/2017, Nguyễn Ngọc H2 đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar gặp Hà Văn H để nhận cáo trạng và biết được Hà Văn H là người cùng quê Thanh Hóa. Khi nhận cáo trạng xong, Nguyễn Ngọc H2 đặt vấn đề nhờ Hà Văn H giúp đỡ để được xử mức án nhẹ nhất vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, con còn nhỏ thì Hà Văn H nói để hồ sơ chuyển sang Tòa án rồi tính. Sau đó, Nguyễn Ngọc H2 đã nhiều lần gặp, trao đổi với Hà Văn H về việc xin giảm nhẹ mức án qua điện thoại, tại cơ quan và nhà riêng. Hà Văn H sử dụng số điện thoại 05003608668 và 0946102345 để trao đổi với Nguyễn Ngọc H2 qua số điện thoại 0947959077 (BL 90, 134, 187).

Ngày 05/4/2017, Nguyễn Ngọc H2 đến Viện kiểm sát nhân dân huyện E K gặp Hà Văn H. Tại phòng làm việc của Hà Văn H, Nguyễn Ngọc H2 đặt vấn đề nhờ Hà Văn H giúp được hưởng án treo thì Hà Văn H nói muốn được hưởng án treo phải chi số tiền từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ nhưng Nguyễn Ngọc H2 không có tiền để thực hiện. Khoảng cuối tháng 4 năm 2017, Nguyễn Ngọc H2 đến gặp Hà Văn H tại nhà riêng, Hà Văn H nói việc hưởng án treo là rất khó, chỉ còn phương án đề nghị xử mức án từ 06 đến 09 tháng tù và phải chi số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ. Trưa ngày 02/5/2017, Hà Văn H gọi điện thoại nói với Nguyễn Ngọc H2: “Việc của chú cả hai bên hết 10.000.000đ, chiều hoặc

trưa ra nhà anh trao đổi cụ thể". Trưa cùng ngày, Nguyễn Ngọc H2 đến nhà thi Hà Văn H nói “*Cả Viện cả Tòa thì mười nhá, sau này lên kia thì tính sau. Chiều nay chú ấy trước cho anh cái khoản kia*”, ý nói H2 đưa trước cho Hà Văn H 10.000.000đ để được xử mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù còn khi lên tỉnh xử phúc thẩm thì tính sau. Nguyễn Ngọc H2 trình bày với Hà Văn H hiện tại chưa có tiền và xin khất sau khi xử sẽ đưa tiền thì Hà Văn H đồng ý và nói Hà giữ lời hứa (BL 90, 94, 113, 133, 168, 170, 187). Ngày 03/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm xử phạt Nguyễn Ngọc H2 07 tháng tù. Sáng ngày 04/5/2017, ông Nguyễn Như H3, sinh năm 1970, địa chỉ: Xã E1, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk đưa cho Nguyễn Ngọc H2 10.000.000đ, gồm 100 tờ tiền mệnh giá 20.000đ và 160 tờ tiền mệnh giá 50.000đ. Trước khi đưa tiền cho Nguyễn Ngọc H2, ông Nguyễn Như H3 đã chụp hình số sê ri tiền (BL 283, 287). Khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Ngọc H2 cầm bọc tiền 10.000.000đ đến nhà đưa cho Hà Văn H và nói Hà Văn H đếm lại nhưng Hà Văn H nói không cần và cất ngay xuống gầm bàn uống nước ở phòng khách. Nguyễn Ngọc H2 đã ghi âm, ghi hình toàn bộ nội dung trao đổi việc xin giảm nhẹ mức án và việc đưa tiền cho Hà Văn H (BL 107, 109, 139).

Chiều ngày 03/5/2017 và chiều ngày 04/5/2017, Nguyễn Ngọc H2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk tố cáo hành vi đòi và nhận hối lộ của Hà Văn H.

Ngày 07/5/2017, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao tiến hành làm việc, Hà Văn H đã thành khẩn khai nhận hành vi như trên. Hà Văn H đã nộp lại số tiền 10.000.000đ.

Tại Bản kết luận giám định số 207/C54-P6 ngày 04/10/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin gửi giám định”; tiếng nói người đàn ông xưng là “anh” trong mẫu cần giám định (ký hiệu là “H” trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Hà Văn H trong mẫu so sánh là của cùng một người; tiếng nói người đàn ông xưng là “em” trong mẫu cần giám định (ký hiệu là “H2” trong Bản dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Ngọc H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người...

Đối với Nguyễn Ngọc H2 là người chủ động đặt vấn đề nhờ Hà Văn H giúp để được xử mức án nhẹ và trực tiếp đưa cho Hà Văn H số tiền 10.000.000đ. Hành vi của Nguyễn Ngọc H2 có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ” quy định tại Điều 289 Bộ luật hình sự, nhưng trước và sau khi đưa hối lộ, Nguyễn Ngọc H2

đã chủ động làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi của H2.

Đối với ông Nguyễn Như H3 đã có hành vi cùng với ông H2 tổ chức đưa cho Hà Văn H số tiền 10.000.000đ nhưng mục đích thực hiện của ông H3 để có chứng cứ tố cáo hành vi của Hà Văn H. Trước và sau khi đưa tiền cho H, ông H3 đã cùng với ông H2 đến Công an tỉnh Đắk Lắk tố cáo hành vi đòi và nhận hối lộ của Hà Văn H. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi của ông H3. Ngoài ra, ông H3 còn trình bày số tiền 10.000.000đ Hà dùng để đưa hối lộ cho H là do H2 mượn của H3, nhưng H3 cũng không có chứng cứ chứng minh H2 mượn số tiền trên.

Đối với bà Vũ Thị Vân A (vợ của Hà Văn H) thì kết quả điều tra thể hiện: Sau khi nhận tiền của Nguyễn Ngọc H2, Hà Văn H đã cất tiền vào trong tủ của gia đình. Bà A đã lấy tiền trong tủ để chi tiêu cho gia đình nhưng bà A không biết việc Hà Văn H nhận tiền hối lộ của Nguyễn Ngọc H2 nên không có căn cứ xử lý hình sự.

Đối với ông Phạm Xuân C là Thẩm phán, Phó Chánh án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar và ông Nguyễn Văn Đ là Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, thì tài liệu điều tra thể hiện trong quá trình trao đổi giữa Hà Văn H và Nguyễn Ngọc H2 có nội dung phải đưa tiền cho Viện kiểm sát và Tòa án để được xử mức án nhẹ. Tuy nhiên, Hà Văn H không trao đổi và không đưa tiền cho bất kỳ ai. Ông Đ và ông C không biết việc Hà Văn H nhận tiền của Hà nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Bản cáo trạng số 86/VKSTC-V6 ngày 28/11/2017 của VKSND Tối Cao, truy tố bị cáo Hà Văn H về tội “Nhận hối lộ” theo điểm đ, e khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, nội dung hồ sơ và bản cáo trạng nhưng bị cáo cho rằng VKSND Tối Cao truy tố bị cáo về tội “Nhận hối lộ” theo điểm đ khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 là không đúng đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Ngọc H2 cho rằng anh là người đặt vấn đề về tiền bồi dưỡng cho bị cáo H chứ bị cáo không đòi hỏi sách nhiễu gì. Anh H2 đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin nhận lại số tiền 10.000.000đ mà Cơ quan điều tra đã thu giữ để trả nợ cho người cho mượn vì hoàn cảnh gia đình quá khó khăn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đồng thời cho rằng VKSND

Tối Cao truy tố bị cáo về tội “Nhận hối lộ” theo tình tiết định khung tăng nặng quy định điểm đ khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 là không có căn cứ và bất lợi cho bị cáo đề nghị HĐXX không áp dụng; đại diện VKS đưa ra các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Văn H phạm tội “Nhận hối lộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 06 đến 07 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106 BLTTHS 2015;

Tuyên trả số tiền 10.000.000đ cho ông Nguyễn Ngọc H2.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 02(hai) chiếc điện thoại di động (một chiếc hiệu Samsung Galaxy A5 và một chiếc hiệu Nokia 105) có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng ngày 07/12/2017;

Bị cáo Hà Văn H không bào chữa, tranh luận gì thêm đề nghị HĐXX xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Hà Văn H tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nhận số tiền 10.000.000đ của ông Nguyễn Ngọc H2 để giúp xét xử cho Nguyễn Ngọc H2 mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù của bị cáo đã phạm tội “Nhận hối lộ”. Hành vi của bị cáo bị VKSND Tối Cao truy tố bị cáo về tội “Nhận hối lộ” theo tình tiết định khung tăng nặng quy định điểm đ khoản 2 Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 nay là điểm g khoản 2 Điều 354 BLHS năm 2015 là không đủ căn cứ. Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị HĐXX không áp dụng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Do vậy, HĐXX xét xử bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hà Văn H là nguy hiểm cho xã hội đã lợi dụng việc được phân công thực hiện quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử vụ án Nguyễn Ngọc H2 phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Khi Nguyễn Ngọc H2 đặt vấn đề với Hà Văn H xin giảm nhẹ hình phạt và ông H2 đưa số tiền 10.000.000đ đến 15.000.000đ thì bị cáo sẽ tác động Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar và Tòa án nhân dân huyện Ea Kar để giúp cho Nguyễn Ngọc H2 hưởng mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Khoảng 12h00 ngày 04/5/2017 Nguyễn Ngọc H2 cùng Nguyễn Như H3 đến tại nhà riêng gặp bị cáo H và đưa 10.000.000đ, trước và sau đó ông H2, ông H3 làm đơn tố cáo bị cáo. Như vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo đòi hỏi pháp luật phải xử lý thích đáng, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[3] Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ khắc phục hậu quả do mình gây ra, quá trình công tác đã có nhiều cống hiến cho ngành Kiểm sát được Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân Tối Cao tặng bằng khen, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk chứng nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, có vợ Vũ Thị Vân A được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba, ông nội Hà Văn Y được Tỉnh ủy tỉnh Đắk Lắk tặng huy hiệu 60 năm tuổi đảng, ông ngoại Đỗ Văn H4 được Tỉnh ủy tỉnh Đắk Lắk tặng huy hiệu 65 năm tuổi đảng, bố vợ Vũ Đình A1 là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều Huy chương kháng chiến, huy chương chiến sĩ vẻ vang, huy chương vì an ninh tổ quốc, bà ngoại là Trịnh Thị L là người có công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước được UBND tỉnh Ninh Bình tặng bằng khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần áp dụng để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 10.000.000đ mà Nguyễn Ngọc H2 đưa cho bị cáo để tố cáo bị cáo về tội “Nhận hối lộ” là trái pháp luật, tuy nhiên tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc H2 xin được nhận lại vì gia đình rất khó khăn, phải đi vay của người khác, nên HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả số tiền 10.000.000đ cho ông Nguyễn Ngọc H2.

- Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại di động (một chiếc hiệu Samsung Galaxy A5 và một chiếc hiệu Nokia 105 có đặc điểm như có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng ngày 07/12/2017 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hà Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 354; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn H phạm tội: “Nhận hối lộ”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn H 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tuyên trả số tiền 10.000.000đ cho ông Nguyễn Ngọc H2.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 02(hai) chiếc điện thoại di động (một chiếc hiệu Samsung Galaxy A5 và một chiếc hiệu Nokia 105 (có đặc điểm như có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng ngày 07/12/2017).

[3] Về án phí: Bị cáo Hà Văn H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CQĐT VKSND Tối Cao;
- Văn phòng CQĐT VKSND Tối Cao;
- T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Dân

